

CAROL GILLIGAN VÀ NEL NODDINGS: NHỮNG NGƯỜI KHAI SINH ĐẠO ĐỨC HỌC NỮ QUYỀN PHƯƠNG TÂY HIỆN ĐẠI

NGUYỄN VIỆT PHƯƠNG^(*)

Sự hình thành của đạo đức học nữ quyền với tư cách là một khía cạnh độc lập của tư tưởng triết học nữ quyền phương Tây hiện đại vào những thập niên cuối thế kỷ XX gắn liền với tên tuổi của Carol Gilligan và Nel Noddings. Trên cơ sở nhận thức những khiếm khuyết của truyền thống đạo đức học phương Tây, ngay từ thập niên 1980, Carol Gilligan và Nel Noddings đã đặt những viên gạch đầu tiên cho sự xuất hiện của một cách tiếp cận mới trong nghiên cứu đạo đức học mà ngày nay được biết đến dưới nhãn hiệu “đạo đức học nữ quyền” (feminist ethics). Đánh giá về hai nhà tư tưởng nữ này, McClellan viết: “Nếu như với *Từ một tiếng nói khác* (In a different voice), Gilligan đã giới thiệu đạo đức về quan tâm trong diễn ngôn đạo đức trong lĩnh vực hàn lâm, thì Noddings là người đã có những đóng góp quan trọng nhất đối với việc xây dựng lý thuyết nữ quyền về đạo đức” (B. E. McClellan, 1999, tr.104). Có thể nói, đánh giá của McClellan đã khái quát tương đối chính xác vai trò của Gilligan và Noddings trong sự hình thành của đạo đức học nữ quyền phương Tây.

Hơn 30 năm qua, đạo đức học nữ quyền đã vượt khỏi khuôn khổ lý thuyết của Gilligan và Noddings, song điều đó không làm suy giảm vai trò *mở đường* của hai nữ triết gia nổi danh này. Ở phương Tây ngày nay, người ta vẫn trân trọng và công nhận tư tưởng của Gilligan và Noddings là nền tảng lý luận của đạo đức học nữ quyền và những xu hướng phát triển bên trong nó. Do đó, việc giới thiệu tư tưởng của Gilligan và Noddings là một cách tiếp cận hữu ích để nhận thức về đạo đức học nữ quyền phương Tây hiện đại. Trên cơ sở phân tích những đóng góp về lý luận của hai nhà tư tưởng này, bài viết khẳng định rằng, Gilligan và Noddings chính là những người khai sinh đạo đức học nữ quyền - một trong những lĩnh vực tri thức năng động ở phương Tây thời gian gần đây.

1. “Từ một tiếng nói khác” đến sự hình thành đạo đức học nữ quyền phương Tây hiện đại: Công lao của Carol Gilligan

Carol Gilligan, nhà tâm lý học Mỹ, là một trong những nhân vật hàng đầu

^(*) Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế.

khi khảo cứu về sự hình thành của đạo đức học nữ quyền phương Tây hiện đại. Tinh hoa tư tưởng của Gilligan được thể hiện tập trung trong tác phẩm *Từ một tiếng nói khác* (1982). Ở tác phẩm gây tiếng vang này, Gilligan lần đầu tiên tuyên bố về tính đặc thù giới trong phương thức suy luận đạo đức. Theo đó, Gilligan đề xuất “tiếng nói của quan tâm” (voice of care) đặc trưng cho nữ giới như là phương án đối chọi với “tiếng nói của công lý” (voice of justice) đặc trưng cho nam giới. Ngay từ dòng đầu tiên của *Từ một tiếng nói khác*, Gilligan tuyên bố: “Tôi bắt đầu nghe thấy (người ta nói đến) một sự phân biệt giữa những tiếng nói này, hai cách thức để bàn luận về các vấn đề đạo đức, hai lối mô tả những mối quan hệ giữa bản ngã và người khác” (Carol Gilligan, 1982, tr.1). Không còn nghi ngờ gì, Carol Gilligan chính là người đã cung cấp những ý tưởng ban đầu về một lý thuyết đạo đức mới đặc trưng cho nữ giới mà sau này được biết đến dưới tên gọi “lý thuyết đạo đức về quan tâm” (ethic of care).

Trong thời gian ở Đại học Harvard, Carol Gilligan đã viết luận án tiến sĩ phác thảo một lý thuyết phát triển đạo đức hoàn toàn khác biệt với những gì được trình bày trong mô hình lý thuyết của Lawrence Kohlberg (gồm 3 cấp độ được chia thành 6 giai đoạn từ thấp đến cao). Theo Kohlberg, quá trình phát triển đạo đức của con người diễn tiến từ cấp độ thấp đến cấp độ cao, trong đó cấp độ cao nhất thể hiện ở tư duy dựa trên những nguyên tắc công lý phổ quát và vô điều kiện. Kohlberg còn khẳng định rõ hơn về sự vượt trội của nam giới so với nữ giới về phương diện phát triển

đạo đức, theo đó nữ giới chỉ có thể phát triển cao nhất là giai đoạn 3 (cấp độ suy luận đạo đức quy ước), trong khi nam giới có thể phát triển đến đỉnh điểm của mô hình phát triển đạo đức, tức là giai đoạn 6 (cấp độ suy luận đạo đức hậu quy ước). Từ nhận thức đó, Kohlberg đưa đến kết luận: *nam giới có năng lực phát triển đạo đức cao hơn nữ giới*.

Trong quá trình nghiên cứu mô hình Kohlberg, Gilligan thấy hoài nghi về tính xác thực của những dữ kiện và kết luận rút ra từ lý thuyết đó. Gilligan đã tiến hành nghiên cứu phê phán những cơ sở lý thuyết của Kohlberg và nhận thấy một thực tế là Kohlberg *chỉ* nghiên cứu các đối tượng là *các bé trai* và lấy đó làm căn cứ để rút ra những kết luận chung về mô hình phát triển đạo đức *của con người*. Bà nhận định “Mô hình lý thuyết của ông ta xét đến cùng chỉ cung cấp một cái nhìn về sự phát triển đạo đức *của nam giới* chứ không phải là về sự phát triển đạo đức *của con người nói chung*” (Carol Gilligan, 1982). Do đó, những dữ kiện và kết luận được rút ra từ mô hình Kohlberg là phiến diện (one-sided) và thiếu thuyết phục (unwarranted). Gilligan nhấn mạnh thêm, không thể dựa vào mô hình Kohlberg để rút ra kết luận về sự phát triển đạo đức của nữ giới bởi đó là một quá trình mang tính đặc thù mà có lẽ Kohlberg chưa bao giờ tưởng tượng ra. Trong ánh mắt phê phán của Gilligan, mô hình lý thuyết của Kohlberg không thể cung cấp một sự lý giải đầy đủ về tính phong phú, đa dạng trong những thể nghiệm đạo đức và sự phát triển đạo đức của con người nói chung, nhất là của nữ giới. Do đó, nếu vẫn sử dụng phác đồ của Kohlberg

như là mô hình chuẩn duy nhất về sự phát triển đạo đức của con người, thì chúng ta sẽ tiếp tục vấp phải những sai lầm và định kiến không thể tránh khỏi.

Trên cơ sở phản tư có phê phán đối với mô hình phát triển đạo đức của Kohlberg, Gilligan rút ra kết luận, đó là *giữa nam giới và nữ giới có sự khác biệt về phương thức suy luận đạo đức*. Theo Gilligan, chịu sự chi phối từ những yếu tố văn hóa, nam giới thường nghe theo “tiếng gọi của công lý”, đặc biệt chú tâm đến vai trò các quy tắc trừu tượng phổ quát và công lý, trong khi nữ giới lại có xu hướng sử dụng “lời nói của quan tâm” nhấn mạnh ý nghĩa của các mối quan hệ liên cá nhân và trách nhiệm (với người khác). Khi tham dự vào quá trình suy luận đạo đức, nữ giới tìm kiếm sự kết nối về nhu cầu của những cá nhân cụ thể trong bối cảnh riêng biệt và bất khả giản lược. Quan điểm “khu biệt giới” đó không chỉ được Gilligan trình bày trong *Từ một tiếng nói khác*, mà còn tiếp tục được khẳng định trong các nghiên cứu sau này.

Bác bỏ quan điểm xem suy luận đạo đức của nữ giới là “chưa chín chắn” (immature), Gilligan quả quyết rằng, “quan tâm” như là cách trải nghiệm thế giới của nữ giới hoàn toàn có thể trở thành một phương thức suy luận đạo đức hợp lệ. Theo Gilligan, những thể nghiệm và phương cách tư duy đặc thù của nữ giới cũng cần được tôn trọng và truyền thống đạo đức phải thừa nhận và sử dụng nhiều hơn “tiếng nói của quan tâm” trong những hoàn cảnh thích hợp. Để mô tả đặc trưng của cách tiếp cận dựa trên “quan tâm”, Gilligan khái quát như sau: “Nữ giới không chỉ xác định bản thân trong ngữ cảnh của

mối quan hệ người mà còn tự mình phán xét từ góc độ khả năng quan tâm của họ. Trong vòng đời của nam giới, vị trí của nữ giới được xác định như là người nuôi dưỡng, người chăm sóc, cộng sự, và người đan kết mạng lưới các mối quan hệ mà trong đó đến lượt mình người phụ nữ cũng phải dựa vào đó để hiện hữu” (Dẫn theo: Gordon Marino, 2010, tr.441).

Mặc dù những kiến giải của Gilligan chưa thực sự hoàn chỉnh và mang tính hệ thống như chính bà từng thừa nhận, song với việc đề xướng “một tiếng nói khác” đặc trưng cho nữ giới trong mối tương quan với “tiếng nói của công lý” đặc trưng cho nam giới, Carol Gilligan đã “thai nghén” những ý tưởng ban đầu cho sự phát triển phong phú của đạo đức học nữ quyền ở phương Tây trong những thập niên gần đây.

2. Nel Noddings và lý thuyết đạo đức về quan tâm

Noddings là giáo sư của Đại học Stanford, đồng thời là một nhà khoa học có uy tín cao trong lĩnh vực triết học giáo dục. Bà nguyên là Chủ tịch *Hiệp hội Triết học giáo dục* (Philosophy of Education Society) và *Hiệp hội John Dewey* (the John Dewey Society). Noddings đã từng đạt được Giải thưởng danh tiếng Kappa Delta Pi cũng như nhiều giải thưởng khác.

Với tư cách là một nhà triết học nữ quyền, Noddings là người góp công lớn trong sự hình thành của đạo đức học nữ quyền phương Tây hiện đại. Bà đã phát triển những ý tưởng của Gilligan về “tiếng nói của quan tâm” trên một nền tảng triết học (hiện tượng học), qua đó kiến tạo một trong những “phiên bản đầu tiên” của lý thuyết đạo đức về quan tâm.

Khi luận giải sự quan tâm với tính cách là một phạm trù căn bản của đạo đức học, Noddings đã dựa trên cơ sở của bản thể luận về tính liên hệ (ontology of relationality). Từ xuất phát điểm này, Noddings khẳng định, mỗi liên hệ và những phản ứng tình cảm của các tác nhân tham gia vào mỗi liên hệ ấy là một sự kiện căn bản của tồn tại người. Bản tính của con người thể hiện trong vô số các mối liên hệ mà con người tham gia vào đó, và ngược lại, mỗi liên hệ cũng được xem là thuộc tính có sẵn của con người với tư cách là một con người. Noddings viết: “Chúng ta không phải là những cây nấm mọc trên đất; chúng ta sinh ra trong mỗi liên hệ và cũng lớn lên trong mỗi liên hệ. Tất nhiên tôi không cô đơn. Tôi tồn tại trong một mối liên hệ mà từ đó tôi tìm thấy nguồn sống và hướng đi của mình. Tính cá biệt thực sự của tôi được định nghĩa trong một mạng lưới các mối liên hệ. Đây là thực tại căn bản của tôi” (Nel Noddings, 1984, tr.51).

Chịu ảnh hưởng của lập trường hiện tượng học, “quan tâm” với tính cách là mối liên hệ căn bản của tồn tại người đã được Noddings kiến giải một cách khá độc đáo theo “phác đồ chẻ đôi” (dyadic schema).

Theo Noddings, mỗi liên hệ quan tâm chỉ hoàn thành khi được kết hợp từ hai nhân tố tham dự: *chủ thể quan tâm* (one-caring) và *khách thể quan tâm* (the cared-for), trong đó chủ thể quan tâm phải luôn tỏ sự chăm chú (engrossment) và sự dịch chuyển động lực (motivational displacement), còn khách thể quan tâm phải hồi đáp sự quan tâm đó bằng nhiều cách khác nhau (Nel Noddings, 1984, tr.69).

Thuật ngữ “chăm chú” thể hiện khá rõ nét cái nhìn hiện tượng học của Noddings. Theo bà, chăm chú dùng để nói đến quá trình tập trung suy tư của chủ thể hướng về một đối tượng nào đó nhằm đạt được hiểu biết sâu sắc hơn. Trong mỗi liên hệ quan tâm, chăm chú biểu thị “một cảm thức cởi mở và tự nhiên” của chủ thể quan tâm về đối tượng nhận quan tâm. Thực chất, chăm chú là một hình thái của sự đồng cảm (feeling with) với người khác. Nó là điều kiện thiết yếu cho mỗi liên hệ quan tâm bởi vì trạng huống hiện hữu của mỗi cá nhân phải được *hiểu* trước khi người quan tâm có thể lựa chọn hành động một cách thích hợp. Do đó, Noddings nhấn mạnh, “về căn bản, bất cứ mối liên hệ quan tâm nào cũng đều dính dáng đến sự chăm chú” (Nel Noddings, 1984, tr.17). Tuy nhiên, Noddings cũng lưu ý rằng, chăm chú chỉ là “điều kiện cần”. Tự nó không thể tạo thành mối liên hệ quan tâm, mà nhất thiết phải kết hợp với một yếu tố quan trọng khác đó là “dịch chuyển động lực”. Noddings diễn giải quá trình này như sau: “Khi tôi quan tâm, khi tôi nhận thức người khác thông qua thảo luận, thì dường như có một cái gì đó nhiều hơn sự cảm nhận; ở đó còn diễn ra một sự biến đổi về động lực. Nguồn động lực của tôi tuôn chảy hướng đến người khác và có lẽ, mặc dù không nhất thiết, hướng đến cứu cánh của họ. Tôi không chối bỏ chính mình; tôi không thể biện minh cho bản thân về những gì tôi đã làm, nhưng tôi có thể cho phép nguồn động lực của tôi được chia sẻ; tôi đặt nó vào tư cách phục vụ cho người khác” (Nel Noddings, 1984, tr.33).

Mỗi liên hệ quan tâm không diễn ra một chiều, mà có tính “tương hỗ”. Nghĩa

là mối liên hệ đó phải được xác định trong cả *cho* và *nhận*. Chủ thể quan tâm luôn thể hiện sự chăm chú và dịch chuyển động lực đến đối tượng quan tâm, đồng thời đối tượng quan tâm phải chủ định tiếp nhận sự quan tâm đó như thế nào. Noddings nhấn mạnh rằng, một trong những vấn đề căn bản cần phải được thảo luận khi lý giải về mối liên hệ quan tâm đó là “sự tương hỗ” (reciprocity). Theo Noddings, tương hỗ nghĩa là đối tượng quan tâm tiếp nhận sự quan tâm từ chủ thể quan tâm và hưởng ứng một cách trực tiếp hoặc gián tiếp. Noddings viết: “Hoặc bằng sự hưởng ứng trực tiếp với chủ thể quan tâm hoặc bằng niềm hân hoan tự phát mà đối tượng quan tâm cảm nhận được. Mối liên hệ quan tâm chỉ được hoàn thành khi đối tượng quan tâm tiếp nhận sự quan tâm” (Nel Noddings, 1984, tr.181). Khi nhu cầu (của đối tượng quan tâm) được thông hiểu và đáp ứng, thì sự quan tâm (của chủ thể quan tâm) sẽ hoàn thành, và do đó mối liên hệ quan tâm cũng được thiết lập, duy trì và phát triển.

Dựa trên tính chất tương hỗ trong mối liên hệ quan tâm, Noddings đã phân chia quan tâm thành hai dạng thức: “caring-for” và “caring-about”. Đây là hai khái niệm liên quan với nhau, đều dùng để chỉ hành động quan tâm của chủ thể dành cho khách thể, song lại khác biệt về đối tượng nhận sự quan tâm đó. Nếu như “caring-for” dành cho đối tượng là những người nhận được sự quan tâm và hồi đáp sự quan tâm đó, thì “caring-about” chỉ diễn ra khi chủ thể quan tâm đến các đối tượng là “những người xa lạ, những sự vật vô tri, và những ý niệm”. Khi chúng

ta nói rằng, quan tâm đến các vấn đề giáo dục thì sự quan tâm ở đây được hiểu trong ngữ cảnh của “caring-about”. Noddings khẳng định, “caring-about” thực chất không phải là mối liên hệ quan tâm theo đúng nghĩa hay nói cách khác chỉ là “người họ hàng tội nghiệp” của “caring-for”, bởi vì trong mối liên hệ đó không có “sự hồi đáp”. Noddings diễn giải rõ hơn về điểm này như sau: “Tôi có thể quan tâm (‘care about’) đến những đứa trẻ đói khổ ở Cambodia, gửi 5 USD cho việc cứu trợ và cảm thấy phần nào thoả mãn với hành động ấy. Tuy nhiên, tôi thậm chí không biết liệu những đồng tiền cứu trợ của tôi đã được dùng để mua thức ăn, mua vũ khí, hay một chiếc Cadillac cầu cạnh cho các chính trị gia. Đó chẳng phải là sự quan tâm đúng nghĩa bởi lẽ thiếu vắng sự tương hỗ” (Nel Noddings, 1984, tr.112). Ở điểm này, nhà nghiên cứu Sarah Hoagland có lý khi phê phán rằng, thật không thích hợp và khó giải thích khi một lý thuyết đạo đức đã gạt bỏ sự quan tâm đến những người nghèo khổ ở những miền xa xôi ra khỏi phạm vi của những xem xét liên quan đến đạo đức. Điều này thường dẫn người khác đến suy nghĩ rằng lý thuyết đạo đức như thế làm sao có thể cung cấp lời giải cho các vấn đề mang tính toàn cầu, do đó nó chỉ là một lý thuyết đạo đức hạn hẹp và mang tính chất địa phương (local ethic).

Noddings phân chia quan tâm thành “quan tâm tự nhiên” (natural caring) và “quan tâm đạo đức” (ethical caring). Quan tâm tự nhiên là “mối quan hệ trong đó chúng ta phản ứng như là người quan tâm một cách tự nhiên” (Nel Noddings, 1984, tr.5). Phản ứng tình cảm của chúng ta trong quan

tâm tự nhiên là mang tính bẩm sinh. Chẳng hạn, người mẹ quan tâm đến con cái của mình là một biểu hiện của quan tâm tự nhiên. Ngay cả loài vật cũng có ‘đặc tính tự nhiên’ này. Còn quan tâm đạo đức là “mối quan hệ trong đó chúng ta gặp gỡ người khác một cách đạo đức”. Noddings tán thành quan niệm của Kant xem hành vi đạo đức được thực hiện vì *nghĩa vụ* chứ không phải vì tình yêu.

Tuy nhiên, bà lưu ý rằng, sự quan tâm đạo đức và sự quan tâm tự nhiên không có sự phân biệt về cấp độ/trình độ bởi vì chúng đều có giá trị như nhau. Cái trước bao giờ cũng được nuôi dưỡng trên cơ sở cái sau, cũng giống như ý thức nghĩa vụ (đạo đức) được phát xuất từ tình yêu. Noddings viết: “Chúng ta yêu thương không phải bởi vì chúng ta buộc phải yêu thương mà tự bản thân mối quan hệ tự nhiên của chúng ta đã hàm chứa tình yêu thương. Chính tình yêu thương hay sự quan tâm tự nhiên này đã tạo ra những khả năng đạo đức” (Nel Noddings, 1984, tr.43). Theo chúng tôi, Noddings đã đứng trên lập trường duy cảm để trả lời cho vấn đề động lực của hành vi đạo đức. Bà không đặt đạo đức trên tính duy lý như cách hiểu phổ biến của truyền thống đạo đức học, mà xuất phát từ những đặc tính xúc cảm tự nhiên mang tính bẩm năng (tất nhiên những đặc tính này thể hiện rõ nét nhất ở người mẹ). Ở mức độ nhất định, có thể hiểu được cái lý của Noddings bởi trên thực tế, có những trường hợp chúng ta không thể giải thích một cách rõ ràng về vấn đề liệu xung lực bản năng hay là cảm thức về bốn phận mới chính là động cơ thôi thúc chúng ta hành động. Đây chính là vấn đề gây ra những tranh luận triền miên giữa các quan điểm,

trường phái trong lịch sử tư tưởng phương Tây.

Với những đóng góp của Noddings, có thể khẳng định rằng, mục tiêu xây dựng lý thuyết đạo đức về quan tâm trở thành một hệ chuẩn của đạo đức học nữ quyền đã trở thành hiện thực. Tuy nhiên, công lao của Noddings không chỉ dừng lại ở đó. Trong các nghiên cứu của mình, Noddings còn cung cấp nhiều ý tưởng mang tính phương pháp luận hướng dẫn cho việc ứng dụng lý thuyết đạo đức về quan tâm vào thực tiễn giáo dục, nhất là giáo dục đạo đức. Những ý tưởng đó được Noddings phác thảo từ cuốn sách đầu tiên *Quan tâm* (1984), và sau đó được bổ sung, phát triển trong các công trình gần đây của bà như *Giáo dục con người đạo đức* (Nel Noddings, 2002) và *Khởi đầu từ gia đình: Sự quan tâm và chính sách xã hội* (Nel Noddings, 2002). Mặc dù không phải mọi ý tưởng mà Noddings trình bày trong các tác phẩm trên đều hợp lý và khả thi, song phải thừa nhận rằng, tư tưởng của Noddings đã trở thành giáo khoa cho các nghiên cứu về đạo đức và giáo dục trong thời gian gần đây □

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Carol Gilligan (1982), *In a different voice*, Harvard University Press, Cambridge.
2. Gordon Marino (2010), *Ethics: The Essential Writings*, Random House, New York.
3. B. E. McClellan (1999), *Moral education in America*, Teachers College Press, New York.

(Xem tiếp trang 58)